

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 336/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18-12-2025

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phan Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Nguyễn Thị Ngọc Diễm và ông Võ Cao Trí

- Thư ký phiên tòa: bà Phùng Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 18 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16-Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 381/2025/TLST-HNGĐ ngày 10/10/2025 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 313/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị L; sinh năm: 1982; địa chỉ: đội A, thôn B, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt

- Bị đơn: ông Phạm Ngọc T; sinh năm 1982; thường trú: xóm E, xã T, tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ: 5 đường B, khu phố B, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 02 năm 2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Ngọc T trước khi kết hôn tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 10/10/2003. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, cùng nhau chăm lo cho cuộc sống gia đình. Nhưng từ năm 2021, ông T quan hệ với người phụ nữ khác, bà L đã nhẫn nhịn chịu đựng, khuyên răn nhưng ông T không thay đổi, đánh đập bà nhiều lần. Do không thể tiếp tục chịu đựng nên bà L về nhà mẹ đẻ ở, vợ

chồng sống ly thân. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông L.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Ngọc T có 03 con chung tên Phạm Thị Mỹ D, sinh ngày 06/01/2004, Phạm Thị Mỹ N, sinh ngày 12/6/2007 và Phạm Ngọc L1, sinh ngày 08/10/2009. Hiện con chung Phạm Thị Mỹ D và Phạm Thị Mỹ N đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa giải quyết. Đối với con chung Phạm Ngọc L1, khi ly hôn bà L yêu cầu ông T là người trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Ngọc T tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 11/12/2025, ông Phạm Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: ông T và bà L tự nguyện yêu nhau, được gia đình hai bên tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 77 ngày 10/10/2003, do Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi (nay là xã T, tỉnh Quảng Ngãi) cấp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, sau này, chuyển về phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, phát sinh tranh cãi nên đã sống ly thân từ 2024 đến nay. Mặc dù, vợ chồng cùng hai bên gia đình cố gắng hoà giải hàn gắn nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được. Nay ông T xác nhận tình cảm vợ chồng không còn nên ông đồng ý ly hôn với bà L

Về con chung: Quá trình chung sống, bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Ngọc T có 03 con chung tên Phạm Thị Mỹ D, sinh ngày 06/01/2004, Phạm Thị Mỹ N, sinh ngày 12/6/2007 và Phạm Ngọc L1, sinh ngày 08/10/2009. Hiện cháu D và cháu N đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa giải quyết. Con chung Phạm Ngọc L1, ông T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu bà L phải thực hiện cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: ông T không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt của các đương sự: bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Ngọc T có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Ngọc T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi (nay là xã T, tỉnh Quảng Ngãi) theo giấy chứng nhận kết hôn số 77 ngày 10/10/2003 nên quan

hệ hôn nhân là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn nên bà Nguyễn Thị L có yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Phạm Ngọc T. Ông T đồng ý ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thuận ly hôn giữa bà L và ông T.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Ngọc T có 03 con chung tên Phạm Thị Mỹ D, sinh ngày 06/01/2004, Phạm Thị Mỹ N, sinh ngày 12/6/2007 và Phạm Ngọc L1, sinh ngày 08/10/2009. Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Ngọc T thống nhất hai con chung Phạm Thị Mỹ D, Phạm Thị Mỹ N đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Con chung Phạm Ngọc L1 do ông T người trực tiếp nuôi dưỡng, điều này phù hợp với nguyện vọng của cháu L1 mong muốn sống chung cùng với ông L sau khi bố mẹ ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của ông L và bà T, giao cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng cháu L1.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông L không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của ông L nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn: bà Nguyễn Thị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều: 28, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273, 316, 317, 320 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L về việc ly hôn với bị đơn ông Phạm Ngọc T.

Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Phạm Ngọc T {theo giấy chứng nhận kết hôn số 77 ngày 10/10/2003 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi (nay là xã T, tỉnh Quảng Ngãi)}.

Về con chung: bà Nguyễn Thị L giao con chung Phạm Ngọc L1, sinh ngày 08/10/2009 cho ông Phạm Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông L không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Ngọc T có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở ông bà thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: đương sự không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004860 ngày 20/03/2025 của Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Quảng Ngãi (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Q).

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND KV 16- TP Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- UBND xã Thọ Phong, tỉnh Quảng Ngãi;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Hiền